

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC SAU ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-DHSPKTV, ngàytháng năm 20.....
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh).

Tên chương trình: Chương trình đào tạo Thạc sĩ Sư phạm Kỹ thuật ô tô

Trình độ đào tạo: THẠC SĨ

Ngành đào tạo: Sư phạm Kỹ thuật ô tô

Mã ngành: Thí điểm

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu:

- Có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực công nghệ kỹ thuật ô tô bao gồm: động cơ đốt trong, gầm ô tô, trang bị điện động cơ và ô tô, hệ thống tiện nghi trên ô tô, nhiên liệu mới..

- Có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực sư phạm kỹ thuật bao gồm: lý luận dạy học hiện đại, công nghệ dạy học và phương tiện dạy học kỹ thuật, phát triển chương trình đào tạo, phương cứu khoa học giáo dục kỹ thuật, đánh giá trong giáo dục.

- Vận dụng kiến thức sư phạm kỹ thuật và công nghệ kỹ thuật ô tô vào phát triển chương trình đào tạo; thiết kế và tổ chức dạy học, giáo dục; nghiên cứu khoa học sư phạm công nghệ kỹ thuật ô tô tại các cơ sở dạy nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp, các cơ sở giáo dục đại học có hiệu quả.

- Phát hiện và giải quyết có hiệu quả những vấn đề phức tạp nảy sinh trong lĩnh vực sư phạm kỹ thuật ô tô.

- Triển khai và ứng dụng kết quả nghiên cứu các đề tài khoa học thuộc lĩnh vực Sư phạm kỹ thuật ô tô để nâng cao được chất lượng và sản xuất, kinh doanh.

- Có tinh thần trách nhiệm, tác phong công nghiệp và kỹ năng làm việc khoa học

Vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp

- Giảng dạy các môn học thuộc ngành, chuyên ngành công nghệ kỹ thuật ô tô tại các cơ sở dạy nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp, cơ sở giáo dục đại học.

- Làm công tác nghiên cứu về lĩnh vực sư phạm kỹ thuật ô tô tại các cơ sở nghiên cứu khoa học giáo dục.

- Làm công tác quản lý giáo dục nghề nghiệp.

Khả năng học tập và nâng cao trình độ

Có kiến thức nền tảng, chuyên sâu về lĩnh vực sư phạm kỹ thuật ô tô và kỹ năng nghiên cứu khoa học giáo dục nghề nghiệp để tiếp tục học bậc tiến sĩ chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật ô tô.

2. Thời gian đào tạo: 02 năm.

3. Tổng khối lượng toàn chương trình: 60 (TC).

4. Đối tượng tuyển sinh:

Người dự tuyển vào học chương trình thạc sĩ Sư phạm kỹ thuật ô tô phải thoả mãn các điều kiện của đối tượng đào tạo sau:

- Người dự tuyển phải có văn bằng tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành sau:

+ Sư phạm kỹ thuật công nghiệp;

+ Công nghệ kỹ thuật ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ chế tạo máy, Công

nghệ kỹ thuật nhiệt và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.

+ Công nghệ kỹ thuật ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ chế tạo máy, Công nghệ kỹ thuật nhiệt nhưng chưa có chứng chỉ sư phạm thì phải học bổ sung khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm.

- Đáp ứng các điều kiện dự tuyển khác theo quyết định số 45/2008/BGD&ĐT ban hành ngày 05 tháng 08 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành dự thi tương ứng phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.

Danh mục các môn học bổ sung kiến thức (Công nghệ kỹ thuật ô tô, cơ khí động lực)

TT	Môn học	Số tín chỉ
1	Tâm lý học nghề nghiệp	2
2	Giáo dục học nghề nghiệp	2
3	Kỹ năng dạy học và phương pháp dạy học	2
4	Công nghệ dạy học	1
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	1
6	Phát triển chương trình đào tạo	1
TỔNG		9

Danh mục các môn học bổ sung kiến thức (Sư phạm kỹ thuật công nghiệp)

TT	Môn học	Số tín chỉ
1	Động cơ đốt trong	3
2	Ô tô	3
3	Trang bị điện ô tô	3
TỔNG		9

5. Chương trình đào tạo:

Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)				Ghi chú
		TS	LT	TH-TN	BT-TL	
I	Môn học chung	07				
EEPH - 501	Triết học	4	3,0	1,0		
EEEN - 502	Ngoại ngữ	3	3,0	1,0		
II	Môn học cơ sở ngành	06				
SKPS501	Phương pháp luận nghiên cứu sư phạm kỹ thuật	2	1,0	1,0		
SKPN502	Lý thuyết học tập và mô hình dạy học kỹ thuật	2	1,0	1,0		
SKTS503	Tâm lý học sư phạm kỹ thuật	2	1,0	1,0		
III	Môn học chuyên ngành	27				
III.1	Các môn học chuyên ngành sư phạm	17				

III.1.1	Môn học bắt buộc	11				
SKLD504	Lý luận dạy học hiện đại	3	2,0	1,0		
SKĐĐ505	Đo lường và đánh giá trong giáo dục kỹ thuật	2	1,0	1,0		
SKGS506	Phương pháp dạy học kỹ thuật	2	1,0	1,0		
SKXH507	Công nghệ dạy học	2	1,0	1,0		
SKKG508	Phát triển chương trình đào tạo	2	1,0	1,0		
III.1.2	Môn học tự chọn (chọn 3 trong số 5 học phần)	06				
SKKT509	Kiểm nghiệm thống kê ứng dụng trong NCKHGD	2	1,0	1,0		
SKKQ510	Khoa học quản lý giáo dục và đào tạo	2	1,0	1,0		
SKKT511	Khoa học giao tiếp và truyền thông trong dạy học	2	1,0	1,0		
SKTQ512	Tâm lý học quản lý	2	1,0	1,0		
SKGS513	Giáo dục suốt đời	2	1,0	1,0		
III.2	Các môn học chuyên ngành kỹ thuật	20				
III.2.1	Các môn học bắt buộc	14				
SKCO514	Cơ điện tử ô tô	2	1,0	1,0		
SKNO515	Năng lượng mới trên ô tô	2	1,0	1,0		
SKKO516	Đánh giá tình trạng kỹ thuật ô tô	2	1,0	1,0		
SKĐO517	Hệ thống điện tử ô tô	2	1,0	1,0		
SKĐĐ518	Hệ thống điều khiển động cơ	2	1,0	1,0		
SKKO519	Kiểm định ô tô	2	1,0	1,0		
SKTO520	Thí nghiệm động cơ	2	1,0	1,0		
III.2.2	Các môn học tự chọn (Chọn 3 trong 6 học phần)	6				
SKTO521	Dao động và rung ồn trong ô tô	2	1,0	1,0		
SKTO522	Tin học ứng dụng trong kỹ thuật ô tô	2	1,0	1,0		
SKTO523	Điều khiển chuyển động của ô tô	2	1,0	1,0		
SKTO524	Hệ thống tự động điều khiển và chẩn đoán trên động cơ đốt trong	2	1,0	1,0		
SKTO525	Truyền động thủy lực và khí nén	2	1,0	1,0		
SKTO526	Động lực học chuyển động thẳng	2	1,0	1,0		
	Luận văn tốt nghiệp	10				
	Tổng cộng	60				